

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **09/2024/HC-ST**

Ngày: 24 – 01 - 2024

“Kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Tâm và ông Bùi Thế Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 141/2023/TLST-HC ngày 09/10/2023 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-HC ngày 28/12/2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; địa chỉ: F L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Ông Đỗ Tất L1, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Ông Đỗ Tất L2, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 là ông Lê Thanh T; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nơi ở hiện tại: 174 T, TP B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Người bị kiện: U; địa chỉ: A L, TP B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch U. Địa chỉ: A L, TP B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn Nguu

- Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất

Đắk Lắk. Địa chỉ: F C, TP B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Về nguồn gốc sử dụng đất của các hộ dân:*

- Bà Nguyễn Thị Hồng Đ sử dụng thửa đất số 145, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 7.051,8m² có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 16Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 15/8/2012 đến ngày 31/12/2035.
- Bà Nguyễn Thị L sử dụng thửa đất số 146, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 3.286,8m² có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 69AĐ1/2013/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 10/9/2013 đến ngày 31/12/2039.
- Ông Nguyễn Văn M sử dụng thửa đất số 67, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 5.100,3m² có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 05Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 18/5/2012 đến ngày 31/12/2035.
- Ông Đỗ Tất L1 sử dụng thửa đất số 70, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 9.511,6m² có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 151/Đ1/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/6/2012 đến ngày 31/12/2035.
- Ông Đỗ Tất L2 sử dụng thửa đất số 86, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 8.690,3m² có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 152/Đ1/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/02/2012 đến ngày 31/12/2035.

(Các thửa đất nêu trên đã được UBND tỉnh Đ thu hồi giao Trung tâm P quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/02/2016).

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, trên cơ sở đó Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố U phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/06/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ: bà Nguyễn Thị Hồng Đ là 2.402.956.894 đồng, bà Nguyễn Thị L 902.526.722 đồng, ông Nguyễn Văn M 962.911.509 đồng, ông Đỗ Tất L1 2.079.193.528 đồng, ông Đỗ Tất L2 2.444.371.704 đồng. Các hộ đã nhận đủ số tiền nêu trên vào ngày 07/10/2022 và bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi.

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện là ông Lê Thanh T trình bày:*

Đối với 05 thửa đất nêu trên của 05 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 đã được UBND tỉnh Đ thu hồi giao cho Trung tâm P quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày

04/01/2017 và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 và được UBND thành phố U phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/06/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022. Tuy nhiên, UBND thành phố U mới chỉ phê duyệt các khoản hỗ trợ: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, nhưng lại chưa phê duyệt khoản hỗ trợ khác theo khoản 3, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, việc không phê duyệt hỗ trợ khác là xâm hại trực tiếp đến quyền lợi của 05 hộ gia đình.

Đối chiếu theo quy định tại điểm d Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 3, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì 05 hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 đáp ứng các điều kiện được hưởng hỗ trợ khác, cụ thể:

- Là hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán (*có các Hợp đồng giao khoán*).

- Thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (*vì 02 khoản hỗ trợ này đã được phê duyệt trong Phương án bồi thường, hỗ trợ của U nêu trên*).

- Đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T2, giao địa phương, tổ chức dịch vụ công quản lý,... (*cụ thể là UBND tỉnh Đ thu hồi của Công ty TNHH MTV C, giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017*).

- Tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất (*vì Nhà nước thu hồi đất năm 2017, nhưng đến năm 2022 thì UBND thành phố U mới phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022*).

Theo viện dẫn căn cứ pháp lý nêu trên (*từ Luật Đất đai, đến Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ*) thì khoản hỗ trợ khác là một hạng mục riêng biệt, được quy định cụ thể tại 1 Điều, khoản, do đó phải được áp dụng nếu đủ điều kiện theo quy định.

Như vậy, Việc UBND thành phố U không phê duyệt hỗ trợ khác là xâm hại trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của 05 hộ gia đình nêu trên, vì vậy các hộ làm đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố U về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư P, phường T, thành phố B đối với 05 hộ gia đình gồm Đỗ Tất L2, Đỗ Tất L1, Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn M.

- Buộc UBND thành phố U phải phê duyệt bổ sung khoản kinh phí hỗ trợ khác đối với 05 hộ gia đình gồm Đỗ Tất L2, Đỗ Tất L1, Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị

L, Nguyễn Văn M quy định tại khoản 3, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

**** Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố U - Ông Lê Đại T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:***

**** Đối với nội dung 05 hộ gia đình khởi kiện yêu cầu phê duyệt bổ sung khoản kinh phí hỗ trợ khác đối với diện tích đất bị thu hồi:***

Căn cứ kết quả xác minh thực trạng lao động của UBND phường T thì 05 hộ gia đình nêu trên trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất thu hồi. Do đó, tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố U đã được Nhà nước áp dụng khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ với số tiền: bà Nguyễn Thị Hồng Đ là 998.372.800 đồng, bà Nguyễn Thị L 488.100.000 đồng, ông Nguyễn Văn M 452.250.667 đồng, ông Đỗ Tất L1 1.902.320.000 đồng, ông Đỗ Tất L2 1.608.846.000 đồng.

Theo đó, 05 hộ gia đình đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, do đó không được áp dụng khoản hỗ trợ khác tại khoản 3, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ (*nội dung này đã được UBND tỉnh Đ phúc đáp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 6207/UBND-NNMT ngày 21/7/2023*).

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 05 hộ Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn M, Đỗ Tất L1, Đỗ Tất L2 do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố U phê duyệt tại Quyết định số 5788/QĐ-UBND ngày 06/06/2022, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 đã đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó nội dung khởi kiện của 05 hộ là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn của 05 hộ gia đình.

Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 là ông Lê Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của

các đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện:* Ngày 23/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố U ban hành Quyết định số 10482/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Nam tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1)”. Quyết định hành chính này là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1 và ông Đỗ Tất L2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Do không đồng ý với một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND nên ngày 29/6/2023 bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1 và ông Đỗ Tất L2 gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Thửa đất số 145, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 7.051,8m² là đất do bà Nguyễn Thị Hồng Đ nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 16Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 15/8/2012 đến ngày 31/12/2035.

Thửa đất số 146, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 3.286,8m² là đất do bà Nguyễn Thị L nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 69AĐ1/2013/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 10/9/2013 đến ngày 31/12/2039.

Thửa đất số 67, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 5.100,3m² là đất do ông Nguyễn Văn M nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 05Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 18/5/2012 đến ngày 31/12/2035.

Thửa đất số 70, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 9.511,6m² là đất do ông Đỗ Tất L1 nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 151/Đ1/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/6/2012 đến ngày 31/12/2035.

Thửa đất số 86, tờ trích đo bản đồ số TĐ02/2021, diện tích 8.690,3m² là đất do ông Đỗ Tất L2 nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 152/Đ1/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/02/2012 đến ngày 31/12/2035.

05 thửa đất nêu trên đã được UBND tỉnh Đ thu hồi giao cho Trung tâm P quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 02/02/2016.

Tại Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố U bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ là 2.402.956.894 đồng, bà Nguyễn Thị L 902.526.722 đồng, ông Nguyễn Văn M 962.911.509 đồng, ông Đỗ Tất L1 2.079.193.528 đồng, ông Đỗ Tất L2 2.444.371.704 đồng.

Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố U không hỗ trợ khác cho gia đình bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1 và ông Đỗ Tất L2 bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi nên bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1 và ông Đỗ Tất L2 khởi kiện.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố U phải lập bổ sung hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định 14/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì thấy:

Hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 sử dụng các thửa đất số 145, thửa đất số 146, thửa đất số 67, thửa đất số 70 và thửa đất số 86 thuộc tờ bản đồ số 07, Tờ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc nhận khoán của Công ty TNHH MTV C trên cơ sở các hợp đồng giao khoán, thời hạn ghi trong hợp đồng đến năm 2035. Tuy nhiên, ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND thu hồi đất của Công ty TNHH C, trong đó có phần đất giao khoán của các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2. Đến ngày ngày 23/12/2022 Ủy ban nhân dân thành phố U ban hành Quyết định số 10482/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1 và ông Đỗ Tất L2 thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Như vậy, các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, cụ thể:

Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ quy định : “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp... thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số [01/2017/NĐ-CP](#) diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T2 của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp...nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng...thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này”..

Tuy nhiên, Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố U không hỗ trợ khác cho các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 là thiếu sót nên các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 yêu cầu được hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ là có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định trên xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 để hủy một phần Quyết định số Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố U và buộc Ủy ban nhân dân thành phố U ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ mới, trong đó bổ sung khoản hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

UBND thành phố U phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ; bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Đỗ Tất L1, ông Đỗ Tất L2.

- Hủy một phần Quyết định số 10482/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố U về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Nam tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 1) đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ khi thu hồi thửa đất số 145; bà Nguyễn Thị L khi thu hồi thửa đất số 146, ông Nguyễn Văn M khi thu hồi thửa đất số 67, ông Đỗ Tất L1 khi thu hồi thửa đất số 70, ông Đỗ Tất L2 khi thu hồi thửa đất số 86 (các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07, Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố U phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho các hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ khi thu hồi thửa đất số 145; bà Nguyễn Thị L khi thu hồi thửa đất số 146, ông Nguyễn Văn M khi thu hồi thửa đất số 67, ông Đỗ Tất L1 khi thu hồi thửa đất số 70, ông Đỗ Tất L2 khi thu hồi thửa đất số 86 (các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07, Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

[2.2] Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Lê Thanh T nộp thay cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ) theo biên lai thu số AA/2022/0004075 ngày 20/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Hoàn trả cho ông Đỗ Tất L1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Lê Thanh T nộp thay cho ông Đỗ Tất L1) theo biên lai thu số AA/2022/0004074 ngày 20/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Hoàn trả cho ông Đỗ Tất L2 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Lê Thanh T nộp thay cho ông Đỗ Tất L2) theo biên lai thu số AA/2022/0004073 ngày 20/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đinh Thị Tuyết